



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



## MỤC LỤC

---

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 27

17/10/2014

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Công nghệ Sao Bắc Đầu được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2014.

Trụ sở hoạt động của Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 80 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 15, Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Đức Quang	Chủ tịch
Ông Trần Tuyên Đức	Phó Chủ tịch
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Đỗ Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Hoàng Hải Thịnh	Thành viên
Ông Đặng Nam Sơn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Bà Mai Thị Thúy Mai	Trưởng ban
Ông Lê Phước Lộ	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Minh Huân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hải Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hà Thế Thập	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc







Số: 15.150A/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Tổng Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

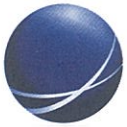
Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đẩu vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC**

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**LỤC THỊ VÂN**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0172-2013-026-1

**HUỲNH THỊ NGỌC TRINH**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 2124-2013-026-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U 12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>273.869.210.018</b>	<b>227.430.086.575</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	5.1	<b>13.820.920.163</b>	<b>28.266.521.843</b>
1. Tiền	111		10.615.580.863	28.266.521.843
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.205.339.300	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	5.2	<b>216.598.829.429</b>	<b>178.533.142.244</b>
1. Phải thu khách hàng	131		201.723.720.298	172.075.793.905
2. Trả trước cho người bán	132		16.531.225.533	7.663.451.193
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		100.000.000	49.111.168
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.756.116.402)	(1.255.214.022)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	5.3	<b>33.937.914.681</b>	<b>5.019.814.472</b>
1. Hàng tồn kho	141		35.812.192.305	6.894.092.096
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.874.277.624)	(1.874.277.624)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>9.511.545.745</b>	<b>15.610.608.016</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	5.518.713.066	6.739.679.963
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		368.402.838	2.240.504.845
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.624.429.841	6.630.423.208

(Phần tiếp theo trang 06)



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU**

Địa chỉ: Lô U 12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>56.539.745.625</b>	<b>55.563.312.680</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>40.645.771.330</b>	<b>41.838.130.244</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	5.6	31.186.539.540	31.941.890.054
+ Nguyên giá	222		57.339.900.182	47.974.990.193
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.153.360.642)	(16.033.100.139)
2. TSCĐ thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. TSCĐ vô hình	227	5.7	9.459.231.790	9.896.240.190
+ Nguyên giá	228		12.199.178.767	12.292.533.967
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.739.946.977)	(2.396.293.777)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.8	<b>13.800.000.000</b>	<b>12.957.316.713</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.800.000.000	13.800.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			(842.683.287)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.093.974.295</b>	<b>767.865.723</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.546.409.218	560.226.056
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		207.639.667	207.639.667
3. Tài sản dài hạn khác	268		339.925.410	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>330.408.955.643</b>	<b>282.993.399.255</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U 12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>239.550.600.995</b>	<b>197.199.088.657</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>238.575.900.369</b>	<b>194.101.536.581</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.9	71.352.690.723	81.799.070.006
2. Phải trả người bán	312	5.10	139.165.735.853	79.942.174.719
3. Người mua trả tiền trước	313	5.10	9.196.532.565	23.305.502.692
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	6.239.611.104	1.854.013.075
5. Phải trả người lao động	315	5.12	2.076.822.000	
6. Chi phí phải trả	316	5.13	3.694.968.608	1.740.666.667
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	6.849.539.516	5.460.109.422
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>974.700.626</b>	<b>3.097.552.076</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	974.700.626	3.097.552.076
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B.VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>90.858.354.648</b>	<b>85.794.310.598</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.16.1	<b>90.858.354.648</b>	<b>85.794.310.598</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.16.2	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.123.900	1.123.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(3.963.240.000)	(3.963.240.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		349.878.228	349.878.228
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.360.788.841	1.155.674.609
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.16.5	13.109.803.679	8.250.873.861
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>330.408.955.643</b>	<b>282.993.399.255</b>

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

## CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chỉ tiêu	Th. minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		11.297,51	210.807,44
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN PHAN THÚY AN

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TRẦN ANH TUẤN



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		502.966.351.999	325.091.243.873
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		309.361.152	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	502.656.990.847	325.091.243.873
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	424.667.544.742	264.385.211.092
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		77.989.446.105	60.706.032.781
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		522.337.608	91.366.078
7. Chi phí tài chính	22	6.3	6.690.377.775	11.724.070.618
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		7.299.696.804	11.420.703.064
8. Chi phí bán hàng	24	6.4	19.282.127.512	13.052.805.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	44.860.497.431	38.365.808.995
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.678.780.995	(2.345.285.902)
11. Thu nhập khác	31	6.6	3.709.306.980	18.333.893.664
12. Chi phí khác	32		2.526.570	10.289.917.962
13. Lợi nhuận khác	40		3.706.780.410	8.043.975.702
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.385.561.405	5.698.689.800
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	2.519.679.355	1.702.337.075
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			(207.639.667)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.865.882.050	4.203.992.392

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN PHAN THÚY AN



HỒ THỊ HỒNG HẠNH



TRẦN ANH TUẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU**

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		502.896.698.319	447.406.834.579
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(460.894.160.592)	(381.385.658.094)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(27.196.657.004)	(28.867.920.220)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.946.015.885)	(11.420.703.064)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(1.702.337.075)	(3.824.348.446)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.408.834.980	8.829.829.392
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(4.171.638.925)	(5.797.746.179)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.394.723.818</b>	<b>24.940.287.968</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.364.909.989)	(16.282.288.980)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.545.454	15.203.640.188
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		240.284.172	81.736.415
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(9.123.080.363)</b>	<b>(996.912.377)</b>

*(Phần tiếp theo trang 11)*



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			(3.963.240.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		195.789.579.362	296.818.736.489
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(208.650.593.597)	(286.015.298.465)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.856.230.900)	(8.101.327.750)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(16.717.245.135)</b>	<b>(1.261.129.726)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(14.445.601.680)</b>	<b>22.682.245.865</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>28.266.521.843</b>	<b>5.584.275.978</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	5.1	<b>13.820.920.163</b>	<b>28.266.521.843</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

  
TRẦN PHAN THÚY AN

  
HỒ THỊ HỒNG HẠNH



  
TRẦN ANH TUẤN

89  
T  
U  
D  
Á  
L  
C



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Điện – Điện tử – Tin học Sao Bắc Đầu. Ngày 30 tháng 08 năm 2007, Công ty được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103002093 ngày 11 tháng 02 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 13 tháng 09 năm 2014.

Ngày 11 tháng 12 năm 2007, Công ty đã đăng ký là Công ty đại chúng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2014 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Tầng 15, Tòa nhà Lilama 10, Phố Tố Hữu, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Chi nhánh tại Đà Nẵng: 02 Quang Trung, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có Công ty con là:

Tên	Ngành nghề	Vốn điều lệ đăng ký (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty	
			31/12/2014	01/01/2014
Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	Lắp đặt hệ thống mạng nội bộ, hệ thống ăng ten truyền hình và mạng viễn thông, thiết bị bảo vệ - báo động	20.000.000.000	69%	69%

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 171 (31/12/2013: 172).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa sản phẩm điện, điện tử, tin học (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán hàng kim khí điện máy, đồ điện, sản phẩm tin học, thiết bị văn phòng, dây cáp điện, các loại đầu nối, linh kiện điện tử. Đại lý ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại. Dịch vụ cho thuê máy văn phòng. Mua bán điện thoại các loại, máy fax, tổng đài PABX (tới 32 số). Mua bán, lắp đặt và bảo trì hàng điện, điện tử, thiết bị tin học – mạng tin học. Mua bán, sản xuất, lắp đặt, bảo trì thiết bị ngành bưu chính viễn thông – mạng viễn thông; mua bán, sản xuất vật tư ngành bưu chính viễn thông; đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông. Mua bán và sản xuất phần mềm tin học, thiết kế trang Web. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet. Đại lý cung cấp dịch vụ Internet (không kinh doanh đại lý cung cấp Internet tại trụ sở). Dịch vụ tư vấn, đào tạo kỹ thuật tin học, viễn thông. Cho thuê văn phòng. Mua bán, lắp đặt, sửa chữa, bảo trì thiết bị điện, thiết bị điều khiển tự động (không gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Tư vấn về chuyển giao công nghệ. Đào tạo nghề. Mua bán phần mềm, máy móc, thiết bị cho ngành phát thanh và truyền hình. Sản xuất, mua bán và phát hành phim, băng đĩa có nội dung được phép lưu hành (không mua bán băng đĩa tại trụ sở). Kinh doanh bất động sản. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp. Đại lý bán vé máy bay. Thiết kế hệ thống mạng vi tính (thiết kế, tạo lập trang chủ Internet, thiết kế hệ thống mạng máy tính tích hợp phần cứng phần mềm và với các công nghệ truyền thông). Dịch vụ khoa học thuật: tích hợp hệ thống, chuyển giao công nghệ thông tin.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chứng từ.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

### 4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

#### ▪ Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

#### ▪ Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 4.5 Hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và khiếm khuyết phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### 4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và chủ yếu là chi phí liên quan chi phí công cụ, dụng cụ và giá vốn của các dự án chưa hoàn thành. Các khoản này được phân bổ vào chi phí căn cứ tình hình hoàn thành của dự án hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	15 năm
+ Máy móc thiết bị	3 – 5 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	6 năm

### 4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính, cụ thể như sau:



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

## **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam trong 30 năm của Công ty. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

## **Phần mềm quản lý**

Phần mềm quản lý không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

### **4.9 Thuê**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê. Các chi phí trực tiếp liên quan tới quá trình đàm phán và thu xếp các khoản thuê hoạt động được cộng vào giá gốc của tài sản cho thuê và được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng phù hợp với điều khoản thuê.

### **4.10 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

- Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn: Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

### **4.11 Chi phí phải trả và dự phòng phải trả**

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

### **4.12 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tất toán trong năm 2012.

### **4.13 Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẪU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### 4.14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.15 Thuế

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*  
Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 22%.

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

+ Phần mềm tin học	0%
+ Hàng hóa	10%
+ Dịch vụ cho thuê và các dịch vụ khác	10%

- Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.16 Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	204.636.269	234.442.091
Tiền gửi ngân hàng	10.410.944.594	28.032.079.752
Các khoản tương đương tiền	3.205.339.300	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>13.820.920.163</u></b>	<b><u>28.266.521.843</u></b>

Tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng.

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	201.723.720.298	172.075.793.905
Trả trước cho người bán	16.531.225.533	7.663.451.193
Các khoản phải thu khác	100.000.000	49.111.168
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b><u>218.354.945.831</u></b>	<b><u>179.788.356.266</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.756.116.402)	(1.255.214.022)
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>216.598.829.429</u></b>	<b><u>178.533.142.244</u></b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty. Trong đó, khoản phải thu các bên liên quan với số tiền là 2.108.081 đồng – Xem thêm mục 7.

### 5.3. Hàng tồn kho

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Hàng tại kho Công ty	4.529.276.891	3.911.366.301
Hàng đã xuất kho triển khai	31.102.126.733	2.865.735.444
Kho theo dõi hàng cho thuê	66.956.150	3.157.820
Kho theo dõi hàng Hà Nội	113.832.531	113.832.531
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>35.812.192.305</u></b>	<b><u>6.894.092.096</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.874.277.624)	(1.874.277.624)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>33.937.914.681</u></b>	<b><u>5.019.814.472</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí chờ phân bổ cho các dự án đang triển khai	5.148.146.123	5.453.223.138
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	370.566.943	1.286.456.825
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>5.518.713.066</u></b>	<b><u>6.739.679.963</u></b>

### 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	1.869.250.423	2.931.178.587
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.755.179.418	3.699.244.621
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.624.429.841</u></b>	<b><u>6.630.423.208</u></b>

### 5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	VND			
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	15.138.594.055	31.093.896.124	1.742.500.014	47.974.990.193
Mua trong năm	-	9.364.909.989	-	9.364.909.989
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>15.138.594.055</u></b>	<b><u>40.458.806.113</u></b>	<b><u>1.742.500.014</u></b>	<b><u>57.339.900.182</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.471.323.759	12.874.268.034	687.508.346	16.033.100.139
Khấu hao trong năm	1.013.381.623	8.858.645.548	248.233.332	10.120.260.503
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>3.484.705.382</u></b>	<b><u>21.732.913.582</u></b>	<b><u>935.741.678</u></b>	<b><u>26.153.360.642</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	12.667.270.296	18.219.628.090	1.054.991.668	31.941.890.054
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>11.653.888.673</u></b>	<b><u>18.725.892.531</u></b>	<b><u>806.758.336</u></b>	<b><u>31.186.539.540</u></b>

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản đã dùng thế chấp cho các khoản vay là 11.653.888.673 đồng – Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 7.488.096.153 đồng.

(Phần tiếp theo trang 19)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	10.945.453.756	1.347.080.211	12.292.533.967
Thanh lý, nhượng bán	-	(93.355.200)	(93.355.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>10.945.453.756</u></b>	<b><u>1.253.725.011</u></b>	<b><u>12.199.178.767</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.119.707.334	1.276.586.443	2.396.293.777
Khấu hao trong năm	377.429.439	59.578.961	437.008.400
Thanh lý, nhượng bán	-	(93.355.200)	(93.355.200)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>1.497.136.773</u></b>	<b><u>1.242.810.204</u></b>	<b><u>2.739.946.977</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	9.825.746.422	70.493.768	9.896.240.190
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>9.448.316.983</u></b>	<b><u>10.914.807</u></b>	<b><u>9.459.231.790</u></b>

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp cho các khoản vay là 9.448.316.983 đồng - Xem thêm mục 5.9.

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.122.747.330 đồng.

### 5.8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư vào Công ty con - Công ty Cổ phần Dịch Vụ Công Nghệ Sao Bắc Đầu với tỷ lệ 69%.

### 5.9. Vay và nợ ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngân hàng	53.423.276.417	54.853.225.651
Vay đối tượng khác	16.072.002.856	24.959.679.354
Nợ dài hạn đến hạn trả - xem thêm mục 5.15	1.857.411.450	1.986.165.001
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>71.352.690.723</u></b>	<b><u>81.799.070.006</u></b>

Các khoản vay ngân hàng chịu lãi suất từ 8%/năm đến 10,3%/năm đối với VND. Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Công trình xây dựng văn phòng và Quyền sử dụng đất thuê tại lô số U12b-16A, đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại lần lượt là 11.653.888.673 đồng và 9.448.316.983 đồng – Xem thêm mục 5.6 và mục 5.7.
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 83B Đường Trần Kế Xương, Phường 7, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 43 Đặng Dung, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (là tài sản của các cá nhân bảo lãnh).
- Quyền đòi nợ đã hình thành, chưa hình thành và hàng hóa, thiết bị điện tử tin học, phần mềm,... là hàng hóa hình thành từ vốn vay được nhận kèm theo quyền đòi nợ chưa hình thành.
- Tín chấp quản lý nguồn thu phát sinh từ các hợp đồng ký giữa Công ty Cổ phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và một số nhóm khách hàng riêng biệt.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Vay đối tượng khác là các khoản vay dưới hình thức tín chấp, thời hạn từ 6 tháng đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 8%/năm đến 11%/năm bằng VND.

### 5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	139.165.735.853	79.942.174.719
Người mua trả tiền trước	9.196.532.565	23.305.502.692
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>148.362.268.418</u></b>	<b><u>103.247.677.411</u></b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

### 5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.519.679.355	1.702.337.075
Thuế thu nhập cá nhân	148.467.886	152.871.600
Thuế giá trị gia tăng	3.571.224.527	(1.195.600)
Thuế xuất, nhập khẩu	239.336	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.239.611.104</u></b>	<b><u>1.854.013.075</u></b>

### 5.12. Phải trả người lao động

Là khoản lương tháng 13 năm 2014 còn phải trả cho người lao động.

### 5.13. Chi phí phải trả

Là chi phí trích trước tương ứng với doanh thu cung cấp dịch vụ đã thực hiện.

### 5.14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	708.532.936	566.358.816
Cổ tức phải trả	266.531.850	320.924.750
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	-	3.584.360
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	5.874.474.730	4.569.241.496
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.849.539.516</u></b>	<b><u>5.460.109.422</u></b>

(\*) Trong đó, khoản phải trả khác liên quan đến phần chưa thực hiện về cung cấp dịch vụ Internet cho khách hàng trong 2 năm theo hợp đồng số 10. (DNG8b-DC) ngày 25/08/2012 giữa Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sao Bắc Đầu và Ban Quản lý dự án Phát triển Công nghệ thông tin và Truyền thông tại Thành phố Đà Nẵng có số tiền là 4.460.000.000 đồng.

### 5.15. Vay và nợ dài hạn

Là khoản vay tín chấp bằng USD từ Công ty Cisco Systems Capital Asia Pte, thời hạn 3 năm và chịu lãi suất 6,51%/năm, có số dư nợ gốc đến 31/12/2014 là 2.832.112.076 đồng (tương đương 133.338,61 USD), trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là 1.857.411.450 đồng (tương đương 87.448,75 USD).





## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 5.16.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Cổ đông sáng lập	44.973.080.000	44.973.080.000
Cổ đông khác	35.026.920.000	35.026.920.000
Cổ phiếu quỹ	(3.963.240.000)	(3.963.240.000)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>76.036.760.000</u></b>	<b><u>76.036.760.000</u></b>

### 5.16.3. Cổ tức

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chia	3.801.838.000	7.999.908.300
Cổ tức đã chia trong năm là cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 5% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 11/04/2014.		

### 5.16.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã đăng ký phát hành	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	8.000.000	8.000.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	396.324	396.324
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	7.603.676	7.603.676
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

### 5.16.5. Phân phối lợi nhuận

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	8.250.873.861	12.546.479.051
Lợi nhuận sau thuế trong năm	8.865.882.050	4.203.992.392
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(205.114.232)	(499.689.282)
Chia cổ tức	(3.801.838.000)	(7.999.908.300)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>13.109.803.679</u></b>	<b><u>8.250.873.861</u></b>

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	451.435.415.934	302.272.275.075
Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.530.936.065	22.818.968.798
Hàng bán bị trả lại	(309.361.152)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>502.656.990.847</u></b>	<b><u>325.091.243.873</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	390.415.186.634	253.327.757.706
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	34.252.358.108	11.057.453.386
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>424.667.544.742</u></b>	<b><u>264.385.211.092</u></b>

### 6.3. Chi phí tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	7.299.696.804	11.420.703.064
Lỗ chênh lệch tỷ giá	233.364.258	1.055.926.037
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(842.683.287)	(752.558.483)
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>6.690.377.775</u></b>	<b><u>11.724.070.618</u></b>

### 6.4. Chi phí bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.519.806.635	4.810.175.246
Chi phí đồ dùng văn phòng	553.603.727	115.542.207
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.570.486.692	759.206.645
Chi phí bảo hành	444.634.017	101.346.654
Chi phí Pre – sales	1.213.844.101	815.382.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.383.170.969	1.605.583.281
Chi phí bằng tiền khác	3.596.581.371	4.845.568.333
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>19.282.127.512</u></b>	<b><u>13.052.805.148</u></b>

### 6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	27.843.860.633	23.795.529.182
Chi phí vật liệu quản lý	1.139.619.060	682.111.485
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.656.418	108.079.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.424.136.972	4.998.926.449
Thuế, phí và lệ phí	5.200.000	21.190.091
Phí chuyển tiền	333.614.158	452.471.096
Chi phí dự phòng	500.902.380	(49.534.859)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.370.179.107	5.419.269.435
Chi phí bằng tiền khác	3.079.328.703	2.937.766.751
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>44.860.497.431</u></b>	<b><u>38.365.808.995</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 6.6. Thu nhập khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	15.193.987.188
Thu nhập khác	3.709.306.980	3.139.906.476
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.709.306.980</u></b>	<b><u>18.333.893.664</u></b>

### 6.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	11.385.561.405	5.698.689.800
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	67.526.570	4.661.841.833
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	-	(3.551.183.333)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	<u>11.453.087.975</u>	<u>6.809.348.300</u>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	22%	25%
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b><u>2.519.679.355</u></b>	<b><u>1.702.337.075</u></b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

## 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Công ty đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	Công ty con
Ông Trần Anh Tuấn	Tổng Giám đốc

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu với các bên liên quan như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng - Xem thêm mục 5.2		
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Công nghệ Sao Bắc Đầu	2.108.081	849.764.856

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Bán hàng	3.085.466.552	8.023.882.132
Mua hàng	190.949.294	102.792.800

- Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	654.765.000	680.481.300
Thu nhập Tổng Giám đốc	833.803.454	939.007.223
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>1.488.568.454</u></b>	<b><u>1.619.488.523</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

### 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm tiêu chuẩn ghi nhận, cơ sở đo lường, cơ sở ghi nhận doanh thu và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.16.

- Các loại công cụ tài chính

VND

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.820.920.163	28.266.521.843
Phải thu khách hàng và phải thu khác	200.067.603.896	170.869.691.051
Tài sản tài chính khác	2.095.104.828	3.699.244.621
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>215.983.628.887</u></b>	<b><u>202.835.457.515</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	72.327.391.349	84.896.622.082
Phải trả người bán và phải trả khác	139.471.925.241	80.016.416.215
Chi phí phải trả	3.694.968.608	1.740.666.667
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>215.494.285.198</u></b>	<b><u>166.653.704.964</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

- Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

#### *Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo rủi ro do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Giá trị ghi sổ theo nguyên tệ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
Đô la Mỹ (USD)	2.557.642,08	2.394.948,34	11.297,51	210.816,44

### Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro trọng yếu về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn với lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này được Công ty quản lý bằng cách duy trì một tỷ lệ hợp lý giữa các khoản vay với lãi suất cố định và các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Công ty chịu rủi ro lớn về lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất. Đối với các khoản vay chịu lãi suất cố định, Công ty có khả năng sẽ phải chịu rủi ro về lãi suất từ các khoản vay này khi có sự biến động về lãi suất.

### Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

#### ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

#### ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả.

VND			
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	139.471.925.241	-	139.471.925.241
Các khoản vay	71.352.690.723	974.700.626	72.327.391.349
Chi phí phải trả	3.694.968.608	-	3.694.968.608
<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	80.016.416.215	-	80.016.416.215
Các khoản vay	81.799.070.006	3.097.552.076	84.896.622.082
Chi phí phải trả	-	1.740.666.667	1.740.666.667

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SAO BẮC ĐẦU

Địa chỉ: Lô U12B-16A, Đường số 22, Khu Chế Xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
<b>31/12/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	200.067.603.896	-	200.067.603.896
Tài sản tài chính khác	1.755.179.418	339.925.410	2.095.104.828
<b>01/01/2014</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1- 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Phải thu khách hàng và phải thu khác	170.869.691.051	-	170.869.691.051
Tài sản tài chính khác	3.699.244.621	-	3.699.244.621

### 9. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

### 10. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 19 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN PHAN THÚY AN

HỒ THỊ HỒNG HẠNH

TRẦN ANH TUẤN